

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 1099/UBND-CTMTQG ngày 28/6/2023 và Công văn số 1148/UBND-CTMTQG ngày 07/7/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc đôn đốc gửi báo cáo đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2023, dự kiến kế hoạch năm 2024 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 và dự kiến kế hoạch thực hiện năm 2024 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2023

1. Công tác quản lý, điều hành thực hiện chương trình

1.1. Ban hành cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương và các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương: Trên cơ sở quy định về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các CTMTQG theo các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/06/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết cụ thể trong Phụ lục I đính kèm*).

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Công tác kiện toàn hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp (tỉnh, huyện, xã).

Cấp tỉnh: Để thực hiện có hiệu quả các CTMTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025¹.

¹ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

Trong đó: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban gồm: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh.

Đồng thời, Tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo², thành lập Tổ giúp việc³ và Tổ công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương⁴ của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025. Đến nay, qua kiểm tra, giám sát chưa thấy xảy ra sai sót trong việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Cấp huyện: UBND các huyện được thụ hưởng Chương trình đã thành lập Ban Chỉ đạo, quy chế làm việc Ban Chỉ đạo cấp huyện (05 huyện, gồm: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân và Tây Sơn), quan tâm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thụ hưởng các CTMTQG tăng cường công tác tổ chức thực hiện chương trình trên địa bàn quản lý; kịp thời ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025.

Cấp xã: 100% số xã đã thành lập Ban Quản lý xã; Ban phát triển thôn; tổ công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định.

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình⁵. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, vai trò của các cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo, đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan liên quan trong triển khai thực hiện Chương trình, nhất là trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn, việc phối hợp triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc 03 CTMTQG theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các cơ quan chủ các CTMTQG, gồm: Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên liên hệ, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và một số sở, ngành khác tiến hành rà soát đề tham mưu ban hành hoặc đề nghị tham mưu ban hành văn bản về quản lý, điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện; kịp thời tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình.

UBND các huyện thường xuyên liên hệ, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh để phản ánh các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các Bộ, ngành Trung ương, cấp tỉnh để kiến nghị, đề xuất cùng nhau tháo gỡ; phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch thực

² Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

³ Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022 Chương trình MTQG DTTS&MN.

⁴ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 06/04/2023 của UBND tỉnh.

⁵ Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

hiện, danh mục công trình, nội dung hoạt động, phân bổ ngân sách, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thực hiện có hiệu quả và đúng mục đích của Chương trình.

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình: Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn ĐBK; đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình, hài hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình. Áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số nội dung, hoạt động có sự đóng góp và tham gia thực hiện của cộng đồng, người dân;

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực: Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; bảo đảm cân đối, bố trí theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình: UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia⁶, trong đó có dự kiến nguồn vốn phân bổ cho từng Chương trình giai đoạn 2021-2025.

Năm 2022: UBND tỉnh đã triển khai phân bổ cho các dự án thành phần giai đoạn 2021-2025 và chi tiết danh mục công trình năm 2022 của Chương trình theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; bổ sung vốn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình trong năm 2022 theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Năm 2023: UBND tỉnh đã triển khai phân bổ cho các dự án thành phần giai đoạn 2021-2025 và chi tiết danh mục công trình năm 2023 của Chương trình theo Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023, bổ sung vốn ngân sách tỉnh đối ứng (vốn đầu tư phát triển) thực hiện Chương trình trong năm 2023 theo Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023; vốn sự nghiệp đã giao tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 05/3/2023 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 và Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh

⁶ Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh.

quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Thực hiện theo các quy định hiện hành;

- Thông tin, truyền thông, vận động: UBND tỉnh ban hành kế hoạch truyền thông về Chương trình⁷ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, đã tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về mục đích, ý nghĩa, nội dung, giải pháp của các CTMTQG, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội góp phần huy động nguồn lực thực hiện, truyền thông về các tấm gương điển hình, sáng kiến hay, mô hình tiêu biểu nhằm tạo sự lan tỏa trong toàn xã hội, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập của người dân và cộng đồng;

- Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân: Đổi mới phương pháp thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, hạn chế thời lượng giảng dạy lý thuyết, tăng cường trao đổi, tương tác, thực hành, trải nghiệm gắn với từng công trình, dự án, tổ nhóm cụ thể;

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình: Kiểm tra và giám sát, đánh giá chặt chẽ, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, theo sự phân cấp quản lý dự án, chính sách của các chương trình. Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, người dân, nhóm cộng đồng ở cơ sở; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của Chương trình.

1.3. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

*** Những thuận lợi:**

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản pháp lý về chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, bám sát Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đặc biệt đã ban hành các quy định, bao gồm: Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Quy định Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các CTMTQG⁸; Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ⁹;... để các đơn vị, địa phương được giao vốn có cơ sở triển khai thực hiện.

Việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo theo yêu

⁷ Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định về CTMTQG DTTS&MN.

⁸ Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022

⁹ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2023

cầu của Trung ương về mục tiêu, nội dung, kinh phí thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình phù hợp với điều kiện của tỉnh.

*** Khó khăn, hạn chế:**

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Đối với Tiểu dự án 1 của Dự án 3: Theo quy định tại Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ, thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, III mới được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 07 thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III nên người dân sinh sống tại đây không được thụ hưởng chính sách;

- Đối với Dự án 5:

+ Về hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất theo Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5, Ban Dân tộc đã có văn bản hỏi và được Ủy ban Dân tộc trả lời tại Văn bản số 1758/UBND-VPCTMTQG ngày 18/10/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, theo đó Ủy ban Dân tộc có nêu *“việc đầu tư cơ sở vật chất đối với các trường: Phổ thông dân tộc nội trú Hoài Ân (xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân); Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Vĩnh Thạnh (xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh); Phổ thông dân tộc nội trú THPT Bình Định (Trường nội trú tỉnh) phù hợp với mục tiêu, đối tượng và nội dung tại Tiểu dự án 1, Dự án 5”*. Tuy nhiên, ngày 29/6/2023 Đoàn giám sát số 920 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm việc với tỉnh Bình Định về tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2023 trên địa bàn tỉnh, Đoàn giám sát số 920 đề nghị tỉnh không dùng vốn của Chương trình đầu tư các trường Phổ thông dân tộc nội trú nêu trên, vì không thuộc phạm vi của Chương trình.

+ Việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 5 về đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN. Đến nay, Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện;

+ Ủy ban Dân tộc chưa ban hành bộ tài liệu đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, nên địa phương còn vướng mắc nội dung này.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Hiện nay Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023; tuy nhiên, nội dung *“Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”* quy định về đối tượng hỗ trợ: Các thôn, bản và tương đương vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021

- 2025. Do đó, Bình Định hiện có 07 thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, không thuộc đối tượng hỗ trợ theo nội dung này, nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện;

- Tiểu dự án 1 của Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Các địa phương không triển khai thực hiện được nội dung này, vì đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ có thu hồi vốn và không được hưởng các chính sách khác của Chương trình;

- Trong quá trình triển khai thực hiện Nội dung số 01, Tiểu dự án 1 của Dự án 10 “*Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín*” tỉnh đang gặp khó khăn trong việc đón tiếp người có uy tín đến thăm, làm việc tại địa phương. Vì theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ thì được chỉ đón tiếp thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiếp khách trong nước. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 65 và điểm e khoản 2 Điều 65 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và tại khoản 2 Điều 50 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, không có quy định nội dung chi đón tiếp các đoàn đại biểu người có uy tín do các địa phương tổ chức đến thăm, làm việc.

1.4. Công tác quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương, địa phương và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS&MN

(Có Phụ lục III kèm theo).

a) Kết quả phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW, NSDP năm 2023 cho các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình.

Năm 2023: UBND tỉnh đã giao vốn NSTW và nguồn vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình: **369.267 triệu đồng**, cụ thể:

- Kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023: **82.691 triệu đồng**, gồm:

+ Vốn NSTW: 74.095 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 50.392 triệu đồng và vốn sự nghiệp 23.703 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: 8.596 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- Kế hoạch vốn năm 2023: **286.576 triệu đồng**, gồm:

+ Vốn NSTW: 251.071 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 112.694 triệu đồng và vốn sự nghiệp 138.377 triệu đồng.

+ Vốn tỉnh đối ứng: 35.505 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 16.905 triệu đồng và vốn sự nghiệp 18.600 triệu đồng.

b) Khối lượng hoàn thành và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn NSTW, NSDP được giao tính đến ngày 30/6/2023 và ước thực hiện đến ngày 31/12/2023.

* Kết quả giải ngân kế hoạch vốn NSTW và nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình đến 30/6/2023: **Đã giải ngân 64.947/369.267 triệu**

đồng, tỷ lệ 17,59%, cụ thể:

- Năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023: **28.757/82.691 triệu đồng, tỷ lệ 34,78%**; trong đó:

+ Vốn NSTW: Đã giải ngân 26.201/74.095 triệu đồng, tỷ lệ 35,36%; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 21.053/50.392 triệu đồng, tỷ lệ 41,78% và vốn sự nghiệp 5.148/23.703 triệu đồng, tỷ lệ 21,72%.

+ Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: Đã giải ngân 2.556/8.596 triệu đồng, tỷ lệ 29,73% (vốn đầu tư phát triển).

- Năm 2023: Đã giải ngân **36.190/286.576 triệu đồng, tỷ lệ 12,63%**; gồm:

+ Vốn NSTW: Đã giải ngân 34.200/251.071 triệu đồng, tỷ lệ 13,62%; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 17.562/112.694 triệu đồng, tỷ lệ 15,58% và vốn sự nghiệp 16.638/138.377, tỷ lệ 12,02% triệu đồng.

+ Vốn tỉnh đối ứng: Đã giải ngân 1.990/18.600 triệu đồng, tỷ lệ 10,7% (vốn sự nghiệp).

* Ước thực hiện đến ngày 31/12/2023: **369.267 triệu đồng, tỷ lệ đạt 100%**.

c) Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2023

Nguồn vốn tín dụng: Đến nay, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã phân bổ các Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, với kinh phí giải ngân 44.939 triệu đồng/907 hộ; trong đó: Vay hỗ trợ đất ở 01 hộ/50 triệu đồng, vay hỗ trợ nhà ở 661 hộ/26.440 triệu đồng và cho vay chuyển đổi nghề 245 hộ/18.449 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu; nội dung của Chương trình

(Có Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo)

2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình (so với các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022; các nghị quyết, đề án, kế hoạch của tỉnh): Mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm từ 3-4%. Cuối năm 2022 số hộ nghèo giảm so với năm 2021 là 592/6.883 hộ, đạt 8,6%;

- Những chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong năm 2023: 01 xã ĐBKK đạt chuẩn nông thôn mới (xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn);

- Những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong năm 2023: 100 hộ được hỗ trợ đất ở, 150 được hỗ trợ nhà ở, 50 hộ được hỗ trợ đất sản xuất, 100 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề, 200 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán.

- Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương:

+ Nguyên nhân khách quan: Chương trình tích hợp nhiều nội dung, tiểu dự án và dự án thành phần và phải chờ các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung chi, định mức chi cho từng dự án, tiểu dự án khi

thực hiện. Vì vậy tiến độ triển khai các dự án còn chậm, việc giải ngân kinh phí chưa đạt theo kế hoạch.

+ Nguyên nhân chủ quan: Một số bộ, ngành trung ương chưa ban hành hướng dẫn kịp thời để thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.

+ Những bài học kinh nghiệm: Kịp thời, chủ động phối hợp tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của địa phương. Bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, nhận thức đúng đắn, thống nhất quan điểm trong chỉ đạo, điều hành và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng, kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc để chủ động đề xuất tháo gỡ; đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách của Chương trình. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát tổ chức thực hiện Chương trình; đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn trong thực hiện Chương trình.

2.2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình năm 2022 chuyển sang và năm 2023 (gọi chung là kinh phí năm 2023)

** Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt*

Kinh phí thực hiện năm 2023, nguồn Trung ương phân bổ là 13.655 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 6.641 triệu đồng và vốn sự nghiệp: 7.014 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 1.121 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 412 triệu đồng và vốn sự nghiệp 709 triệu đồng).

Đã giải ngân 1.790 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (NSTW 1.642 triệu đồng, NS tỉnh 148 triệu đồng để triển khai xây dựng 03 công trình nước sinh hoạt tập trung.

** Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*

Năm 2023 nguồn Trung ương phân bổ là 27.686 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Ngân sách tỉnh đối ứng 1.155 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

Đã giải ngân 5.746 5.431 triệu đồng (NSTW 5.431 triệu đồng, NS tỉnh 315 triệu đồng) đối 2 dự án định canh định cư tập trung, gồm: Dự án khu dân cư làng T6 (làng mới Đak Pok), xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân và Dự án định an, định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.

** Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị*

Kinh phí thực hiện từ nguồn Trung ương phân bổ năm 2023 là 71.603 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Ngân sách tỉnh đối ứng 8.657 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 17.708 triệu đồng; trong đó:

- Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân: Kinh phí thực hiện từ nguồn Trung ương phân bổ năm 2023 là 52.333 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng 6.926 triệu đồng (vốn sự

ngiệp). UBND các huyện đã giao Ban Quản lý Rừng phòng hộ tổ chức thực hiện giao khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích 73.336,03 ha và đã giải ngân 16.533 triệu đồng (NSTW 14.597 triệu đồng và NS tỉnh 1.936 triệu đồng);

- Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN. Kinh phí phân bổ năm 2023 từ nguồn Trung ương là 19.266 triệu đồng (vốn sự nghiệp), ngân sách tỉnh đối ứng 1.731 triệu đồng (vốn sự nghiệp); đã giải ngân 1.175 triệu đồng.

** Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc*

Năm 2023 nguồn Trung ương phân bổ là 96.708 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 89.224 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 7.484 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 6.190 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 5.251 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 939 triệu đồng).

Đã triển khai thực hiện 28 công trình giao thông, 03 công trình trường học, 02 công trình kênh mương nội đồng, 02 công trình văn hoá, 01 công trình chợ, và một số công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Đến nay, đã giải ngân 27.085 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư phát triển 26.863 triệu đồng (NSTW 24.943 triệu đồng, NS tỉnh 1.920 triệu đồng) và vốn sự nghiệp 222 triệu đồng (NSTW).

** Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

Kinh phí phân bổ năm 2023 từ nguồn ngân sách Trung ương là 39.486 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 18.417 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 21.069 triệu đồng). Ngân sách tỉnh đối ứng 3.017 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 505 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 2.512 triệu đồng).

Vốn đầu tư phát triển: Đã giải ngân 6.771 triệu đồng (NSTW 6.598 triệu đồng, NS tỉnh 173 triệu đồng); vốn sự nghiệp đã giải ngân 2.124 triệu đồng (NSTW); trong đó:

- Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có học sinh bán trú) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí Trung ương phân bổ 21.918 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 18.417 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.501 triệu đồng), ngân sách tỉnh đối ứng 1.018 triệu đồng (trong đó vốn đầu tư phát triển: 505 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 513 triệu đồng). Kết quả thực hiện: Đầu tư 06 công trình trường PTDTNT và trường PTDTBT và thực hiện công tác xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các huyện thụ hưởng. Đến nay, đã giải ngân 6.850 triệu đồng (NSTW 6.677 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT 6.598 triệu đồng và vốn SN 79 triệu đồng; NS tỉnh 173 triệu đồng vốn ĐTPT);

- Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN: Kinh phí phân bổ năm 2023 vốn Trung ương là 3.704 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và ngân sách tỉnh đối ứng 403 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã giải ngân 771 triệu đồng (NSTW);

- Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho

người lao động vùng DTTS&MN: Năm 2023 vốn Trung ương phân bổ là 8.192 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và ngân sách tỉnh đối ứng 980 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đã thực hiện giải ngân 844 triệu đồng.

- Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Năm 2023 vốn Trung ương phân bổ: 5.642 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và ngân sách tỉnh đối ứng 616 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Ban Dân tộc đang triển khai thực hiện và đã giải ngân 430,8 triệu đồng (tổ chức cho khoảng 60 người là cán bộ cấp huyện, cấp xã, cộng đồng dân cư, chia làm 02 đợt đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía Nam). Hiện nay, đang chờ bộ tài liệu của Ủy ban Dân tộc để triển khai đào tạo, tập huấn theo quy định.

** Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*

Năm 2023 vốn Trung ương phân bổ là 22.584 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 15.993 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 6.591 triệu đồng) và ngân sách tỉnh đối ứng 1.682 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.023 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 659 triệu đồng). Hiện tại, UBND tỉnh đã phân bổ danh mục chi tiết đề UBND các huyện và Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch triển khai thực hiện 10 công trình di tích cấp quốc gia, 02 điểm đến du lịch và 21 danh mục công trình văn hoá trên địa bàn các huyện thụ hưởng. Hiện đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

Riêng nguồn sự nghiệp 7.250 triệu đồng (NSTW 6.591 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 659 triệu đồng). Đến nay, đã giải ngân 1.736 triệu đồng (NSTW).

** Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*

Kinh phí phân bổ năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương là 2.815 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 362 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Kết quả thực hiện: Nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN với 329 người; bà mẹ mang thai được tầm soát, sàng lọc trước sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN 137 người; trẻ sơ sinh được tầm soát, sàng lọc sơ sinh tại các xã có triển khai can thiệp tại khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS&MN 209 trẻ; ... Đã giải ngân 220 triệu đồng (NSTW).

** Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

Kinh phí phân bổ năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương là 7.042 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 901 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Kết quả thực hiện: Khảo sát, thu thập thông tin đầu kỳ với hơn 5.200 phiếu của hội viên phụ nữ; tổ chức 7 lớp tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới; hướng dẫn thành lập và vận hành Tổ truyền thông cộng đồng, CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, mô hình “Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình” cho 394 cán bộ Hội và các ngành có liên quan của 5 huyện thụ hưởng Chương trình... Đã giải ngân 438 triệu đồng (NSTW).

** Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

Năm 2023 Trung ương phân bổ 33.942 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 3.307 triệu đồng (vốn sự nghiệp); trong đó:

- Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Năm 2023 vốn Trung ương phân bổ 31.202 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 2.978 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Nội dung này, đang tạm dừng thực hiện, vì đối tượng thụ hưởng được hỗ trợ kinh phí theo hình thức có thu hồi vốn và không được hưởng các chính sách khác của Chương trình gây thiệt thòi cho người dân trong vùng dự án. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét tham mưu Thủ tướng Chính phủ chuyển từ cho vay sang hình thức hỗ trợ trực tiếp do đời sống đồng bào còn nhiều khó khăn và quy định nếu được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại Nội dung số 01, Tiểu dự án 2 của Dự án 3 về Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (các Dự án khác vẫn được thụ hưởng).

- Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN. Phân bổ kinh phí thực hiện năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương là 2.740 triệu đồng và ngân sách tỉnh đối ứng 329 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

Kết quả thực hiện: Đã tổ chức các hoạt động truyền thông, tổ chức tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống và xây dựng pano tuyên truyền tại các trung tâm xã, tổ chức 13 Hội nghị tập huấn tuyên truyền Đề án, pháp luật Hôn nhân và gia đình với hơn 1.290 người tham dự; tổ chức Lễ ra mắt 2 Câu lạc bộ: Hôn nhân và Gia đình; Hôn nhân, Gia Đình tiến bộ; 2 Hội thi: “Phụ nữ với kiến thức Pháp luật về Hôn nhân và Gia đình”, “Hội thi Rung chuông vàng với chủ đề học sinh với kiến thức pháp luật” với hơn 380 người tham gia. Đã giải ngân 565 triệu đồng (NSTW 528 triệu đồng và NS tỉnh 37 triệu đồng).

** Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*

Kinh phí phân bổ năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương là 9.644 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 5.125 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 4.519 triệu đồng) và ngân sách tỉnh đối ứng 805 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 251 triệu đồng và vốn sự nghiệp 554 triệu đồng). Đã giải ngân 747 triệu đồng (NSTW) và 17 triệu đồng (NS tỉnh); trong đó:

- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG. NSTW phân bổ thực hiện 2.192 triệu đồng và ngân sách tỉnh phân bổ 285 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đến nay, đã tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động đồng bào tích cực tham gia triển khai thực hiện Chương trình; các huyện tổ chức đưa người có uy tín tham quan học tập kinh nghiệm lẫn nhau. Đã giải ngân 467 triệu đồng (NSTW 450 triệu đồng và ngân sách tỉnh 17 triệu đồng).

- Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN. NSTW phân bổ thực hiện 6.244 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 5.125 triệu đồng và vốn sự nghiệp 1.119 triệu đồng) và ngân sách tỉnh phân bổ 374 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 251 triệu đồng và vốn sự nghiệp 123 triệu đồng). Đến nay, đã thực hiện giải ngân 115 triệu đồng từ NSTW (vốn sự nghiệp).

- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. NSTW phân bổ thực hiện 1.208 triệu đồng (vốn sự nghiệp) và ngân sách tỉnh phân bổ 146 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Đến nay, ở cấp tỉnh và cấp huyện đã tổ chức các đợt kiểm tra, gia việc triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương và đã giải ngân 182 triệu đồng (NSTW).

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

1. Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể kế hoạch năm 2024 theo từng nội dung, dự án thành phần của Chương trình

(Có Phụ lục II kèm theo)

2. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2024 và năm 2025, 2026

Tổng kinh phí thực hiện dự kiến cho kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 và năm 2025, 2026 khoảng **999.623 triệu đồng** (Vốn ĐTPT 456.481 triệu đồng, vốn SN 534.142 triệu đồng); trong đó: NSTW 869.150 triệu đồng (Vốn ĐTPT 404.766 triệu đồng, vốn SN 464.384 triệu đồng) và NSDP 130.073 triệu đồng (Vốn ĐTPT 60.715 triệu đồng, vốn SN 69.758 triệu đồng); trong đó:

- Kinh phí thực hiện năm 2024: Khoảng 410.220 triệu đồng (Vốn ĐTPT 189.715 triệu đồng, vốn SN 220.505 triệu đồng); trong đó: NSTW 356.714 triệu đồng (Vốn ĐTPT 164.970 triệu đồng, vốn SN 191.744 triệu đồng) và NSDP 53.506 triệu đồng (Vốn ĐTPT 24.745 triệu đồng, vốn SN 28.761 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện năm 2025: Khoảng 157.478 triệu đồng (Vốn ĐTPT 52.666 triệu đồng, vốn SN 104.812 triệu đồng); trong đó: NSTW 136.936 triệu đồng (Vốn ĐTPT 45.796 triệu đồng, vốn SN 91.140 triệu đồng) và NSDP 20.542 triệu đồng (Vốn ĐTPT 6.870 triệu đồng, vốn SN 13.672 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện năm 2026: Khoảng 431.925 triệu đồng (Vốn ĐTPT 223.100 triệu đồng, vốn SN 208.825 triệu đồng); trong đó: NSTW 375.500 triệu đồng (Vốn ĐTPT 194.000 triệu đồng, vốn SN 181.500 triệu đồng) và NSDP 56.425 triệu đồng (Vốn ĐTPT 29.100 triệu đồng, vốn SN 27.325 triệu đồng).

(Có Phụ lục III kèm theo)

3. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Tiếp tục đôn đốc, yêu cầu các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ lập dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, sớm triển khai công tác đầu thầu, ký kết hợp đồng thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công.

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, các cơ quan, đơn vị thụ hưởng triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần từ nguồn vốn sự nghiệp sớm triển khai các khâu tiếp theo trong quy trình để thực hiện các tiêu dự án và giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 và hàng năm chi tiết theo từng danh mục dự án.

- Tiếp tục rà soát những văn bản Trung ương và Tỉnh còn thiếu để kiến nghị Trung ương ban hành hoặc thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh ban hành.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương trong việc triển khai và giải ngân vốn thực hiện Chương trình. Tăng cường trách nhiệm của Giám đốc các BQLDA cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và phải có cam kết về tiến độ thực hiện dự án hàng tháng.

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch truyền thông, tuyên truyền về Chương trình theo các Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục Bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương trong phối hợp, tham mưu xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Đối với Dự án 1: Kinh phí đầu tư của Trung ương cấp cho Bình Định rất thấp (*cả giai đoạn 2021-2025 khoản 13,985 tỷ đồng*), trong khi đó nhu cầu thực tế cần hỗ trợ rất nhiều, cụ thể: Đất ở: 1.311 hộ; Nhà ở: 1.638 hộ; Đất sản xuất: 676 hộ; Công trình nước sinh hoạt tập trung: 34 công trình. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc cho rà soát, bổ sung kinh phí cho tỉnh khoảng 221 tỷ đồng để thực hiện các nội dung nêu trên.

- Ủy ban Dân tộc có văn bản hướng dẫn cụ thể và công nhận thôn, xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi đối với thôn, xã không thuộc địa bàn ĐBKK nhưng đáp ứng đủ tiêu chí 15% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung đối tượng thôn đặc biệt khó khăn không thuộc các xã khu vực II, III được thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 - 2025.

- Đối với Dự án 4: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh nhiều trạm y tế đã xuống cấp trầm trọng và các tuyến đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã đã bị hư hỏng nặng (bề mặt bê tông không còn nữa), bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 03 làng (làng O2, xã Vĩnh Kim của huyện Vĩnh Thạnh; Canh Tiến, xã Canh Liên và Canh Giao, xã Canh Hiệp của huyện Vân Canh) vẫn chưa có điện lưới quốc gia. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc kiến nghị bổ sung kinh phí cho các dự án này.

- Tiểu dự án 1, Dự án 5: Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn rõ đối với các trường: Phổ thông dân tộc nội trú Hoài Ân (xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân); Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Vĩnh Thạnh (xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh); Phổ thông dân tộc nội trú THPT Bình Định (Trường nội trú tỉnh) có được hưởng nội dung đầu tư của Tiểu dự án 1, Dự án 5.

- Tiểu dự án 2, Dự án 5 về đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng

nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN: Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn cụ thể, chi tiết để cấp huyện có cơ sở triển khai thực hiện (vì nguồn vốn phân bổ đến cấp huyện).

- Tiểu dự án 4, Dự án 5: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành nội dung tài liệu đào tạo để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Hiện nay Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023. Về nội dung “*Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”. Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, sửa đổi, bổ sung đối tượng hỗ trợ nội dung này. Vì theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ, đối tượng của Dự án 6: “*Tỉnh, thành phố, huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;...*”, không quy định đối tượng hỗ trợ là các thôn, bản và tương đương vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm phối hợp và có ý kiến về nội dung này, để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 1 của Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét tham mưu Thủ tướng Chính phủ chuyển từ cho vay sang hình thức hỗ trợ trực tiếp do đời sống đồng bào còn nhiều khó khăn, vì Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 trên địa bàn tỉnh không thực hiện được.

- Nội dung số 01, Tiểu dự án 1 của Dự án 10: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể có được sử dụng kinh phí của Nội dung 1, Tiểu dự án 1, Dự án 10 thuộc Chương trình để thực hiện các nội dung chi tại Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (VP Điều phối CTMTQG DTTS&MN);
- CT, PCTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC I
VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nhóm văn bản	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
1	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022
2	Văn bản quy phạm pháp luật	Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 74/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022
3	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 64/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022
4	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành danh mục loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 627/2022/QĐ-UBND ngày 03/3/2023
5		Quyết định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025	HĐND tỉnh Bình Định	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh
6		Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/03/2023
7	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 13/2023/QĐ-UBND ngày 7/4/2023
8	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022
9	Văn bản quy phạm pháp luật	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023

10	Văn bản thường	Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022
11		Về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	BCĐ CTMTQG tỉnh Bình Định	Quyết định 185/QĐ-BCĐCTMTQG, 29/7/2022
12		Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ Đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	BCĐ CTMTQG tỉnh Bình Định	Quyết định 31/QĐ-BCĐCTMTQG, 24/3/2023
13	Văn bản thường	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022
14	Văn bản thường	Thành lập Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	BCĐ CTMTQG tỉnh	Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG 02/8/2022
15	Văn bản thường	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 2434/QĐ-UBND ngày 04/8/2022
16	Văn bản thường	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 2468/QĐ-UBND ngày 09/8/2022
17	Văn bản thường	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022
18	Văn bản thường	Về việc tăng cường triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Bình Định	Chỉ thị 13/CT-UBND ngày 24/8/2022
19	Văn bản thường	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 26/8/2022
20	Văn bản thường	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 2979/QĐ-UBND ngày 15/9/2022
21	Văn bản thường	Thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	UBND tỉnh Bình Định	Thông báo số 239/TB-UBND ngày 28/9/2022
22	Văn bản thường	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nội dung số 3 thuộc Tiểu Dự án 2 của Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 28/9/2022

23	Văn bản thông thường	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nội dung 1 của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 về Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò lực lượng cốt cán và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3149/QĐ-UBND ngày 28/9/2022
24	Văn bản thông thường	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3257/QĐ-UBND ngày 06/10/2022
25	Văn bản thông thường	Ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022
26	Văn bản thông thường	Ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 –Dự án 6; Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Tiểu dự án 1 -Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 và giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3428/QĐ-UBND ngày 21/10/2022
27	Văn bản thông thường	V/v áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN	UBND tỉnh Bình Định	Văn bản số 6162/UBND-TH ngày 24/10/2022
28	Văn bản thông thường	Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bình Định	UBND tỉnh Bình Định	Công văn 6161/UBND-TH, 24/10/2022
29	Văn bản thông thường	Phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3494/QĐ-UBND, 26/10/2022
30	Văn bản thông thường	Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 3899/QĐ-UBND, 23/11/2022
31	Văn bản thông thường	Về việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh Bình Định	Công văn 7146/UBND-TH, 25/11/2022
32	Văn bản thông thường	V/v phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 19/12/2022

33	Văn bản thông thường	Về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 170/QĐ-UBND ngày 16/01/2023
34	Văn bản thông thường	Văn bản về đẩy mạnh triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.	UBND tỉnh Bình Định	Văn bản số 792/UBND-TH ngày 20/02/2023
35	Văn bản thông thường	Kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới	UBND tỉnh Bình Định	Thông báo 54/TB-UBND ngày 28/02/2023
36	Văn bản thông thường	Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 632/QĐ-UBND ngày 05/3/2023
37	Văn bản thông thường	Phân bổ kinh phí sự nghiệp, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023
38	Văn bản thông thường	V/v triển khai thực hiện Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-202	UBND tỉnh Bình Định	Văn bản số 1263/UBND-TH ngày 09/03/2023
39	Văn bản thông thường	Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 30/03/2023
40	Văn bản thông thường	Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh (vốn sự nghiệp)	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 03/04/2023
41	Văn bản thông thường	Văn bản về đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.	UBND tỉnh Bình Định	Văn bản số 2105/UBND-TH ngày 10/4/2023
42	Văn bản thông thường	Chỉ thị về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2023 (trong đó có các CTMTQG)	UBND tỉnh Bình Định	Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 10/4/2023
43	Văn bản thông thường	Kế hoạch thực hiện hoạt động Giảm nghèo về thông tin; Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023	UBND tỉnh Bình Định	Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 19/4/2023
44	Văn bản thông thường	Văn bản về đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài và năm 2023 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh Bình Định	Văn bản số 2524/UBND-TH ngày 24/4/2023
45	Văn bản thông thường	Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và Tiểu dự án 3 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	UBND tỉnh Bình Định	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 12/04/2023

46	Văn bản thường	Rà soát nguồn kinh phí và danh mục đầu tư công thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn bản số 1326/SKHĐT-TH ngày 01/7/2022
47	Văn bản thường	V/v thẩm quyền thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 –2025 trên địa bàn tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn bản số 2366/SKHĐT-KGVX ngày 4/11/2022
48	Văn bản thường	V/v dự kiến phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn bản số 2652/SKHĐT-KGVX ngày 01/12/2022
49	Văn bản thường	V/v đề xuất danh mục và mức vốn công trình trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Dự án 6 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn bản số 459/SKHĐT-KGVX ngày 06/03/2023
50	Văn bản thường	Về việc báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 phục vụ các Tổ công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh tại các địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	899/SKHĐT-KGVX ngày 13/04/2023
51	Văn bản thường	Hướng dẫn triển khai thực hiện Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hướng dẫn 56/HD-SNN, 10/01/2023
52	Văn bản thường	V/v hướng dẫn một số quy định về quản lý đầu tư xây dựng các dự án đầu tư xây dựng không thực hiện cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	Sở Xây dựng	Công văn 3501/SXD-QLXD&VL ngày 29/11/2022
53	Văn bản thường	Hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở và hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất của Dự án 1 thuộc Chương trình	Sở Tài chính	Công văn 87/STC-TCĐT ngày 11/01/2023
54	Văn bản thường	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	Tổ Giúp việc CTMTQG tỉnh	Quyết định 863/QĐ-TGVCTMTQG ngày 21/10/2022
55	Văn bản thường	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	Tổ Giúp việc CTMTQG tỉnh	Quyết định 864/QĐ-TGVCTMTQG ngày 21/10/2022
56	Văn bản thường	V/v triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh năm 2022	Ban Dân tộc tỉnh	Văn bản số 657/BDT-CS ngày 19/08/2022
57	Văn bản thường	Hướng dẫn Quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách đối với Dự án 1, Dự án 2 theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Hướng dẫn 691/HD-BDT, 26/8/2022

58	Văn bản thông thường	Áp dụng định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở và hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất của Dự án 1 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS & MN	Ban Dân tộc tỉnh	Văn bản số 88/BDT-CS ngày 28/02/2023
59	Văn bản thông thường	Về việc áp dụng các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc tỉnh	Văn bản số 183/BDT-CS ngày 12/4/2023
60	Văn bản thông thường	hướng dẫn triển khai thực hiện Nội dung số 01 “Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị” của Tiểu dự án 2 Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Sở NN&PTNT	Văn bản số 1631/HD-SNN ngày 29/5/2023
61	Văn bản thông thường	Hướng dẫn thực hiện công tác bảo trì cho các công trình xây dựng (không thực hiện theo cơ chế đặc thù) thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Xây dựng	Văn bản số 1639/SXD-QLXD&VL ngày 26/5/2023

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHỈ TIÊU NĂM 2023 VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2024-2025

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DTTS&MN

Nội dung	Chỉ tiêu kế hoạch GD 2021-2025		KẾT QUẢ THỰC HIỆN (lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)					KẾT QUẢ THỰC HIỆN (ước đến 31/12/2023)					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2024					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2025					Ghi chú
	Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		
Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3	%/năm	3	%/năm			100						3	%/năm			100	3	%/năm			100	
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																							
a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở	1320	Hộ																					
b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	1650	Hộ							50	Hộ	3,03				100	Hộ	6,06			150	Hộ	9,09	
c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	700	Hộ							100	Hộ	14,28				200	Hộ	28,57			250	Hộ	35,71	
d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt	34	công trình						3	Công trình	200	Hộ	8,82	3	Công trình	200	Hộ	8,82	3	Công trình	200	Hộ	8,82	
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	5	Dự án						3	Dự án	200	Hộ	60	5	Dự án	350	Hộ	100	5	Dự án	350	Hộ	100	
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị																							
a) Tiêu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân			73706,3	ha				73336,3	ha			99,5	73706,3	ha			100	73706,3	ha			100	
b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN																							
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc																							
a) Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN																							
- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN	151	công trình	90	công trình			59,6	90	công trình			59,6	130	công trình			86,09	151	công trình			100	
- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	5	Chợ	1	Chợ				1	Chợ			20											
b) Tiêu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc																							
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực																							

Nội dung	Chỉ tiêu kế hoạch GD 2021-2025		KẾT QUẢ THỰC HIỆN (luỹ kế đến thời điểm báo cáo)					KẾT QUẢ THỰC HIỆN (ước đến 31/12/2023)					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2024					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2025					Ghi chú
	Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		
a) <u>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDINT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</u>																							
- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT	8	Trường	8	Trường			100	8	Trường			100	8	Trường			100	8	Trường			100	
- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDINT	4	Trường	4	Trường			100	4	Trường			100	4	Trường			100	4	Trường			100	
- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS																							
b) <u>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS</u>																							
- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc																							
- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học																							
c) <u>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN</u>																							
d) <u>Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</u>																							
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			24	công trình																			
Công trình di tích quốc gia			1	công trình																			
Điểm đến du lịch			2	công trình																			
<u>Nhà văn hoá thôn</u>			21	công trình																			
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em																							
a) Nội dung số 01: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN																							
b) Nội dung số 02: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS &MN																							
c) Nội dung số 03: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người DTTS																							
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em																							
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn																							
a) <u>Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</u>																							
b) <u>Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.</u>																							

Nội dung	Chỉ tiêu kế hoạch GD 2021-2025		KẾT QUẢ THỰC HIỆN (luỹ kế đến thời điểm báo cáo)					KẾT QUẢ THỰC HIỆN (ước đến 31/12/2023)					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2024					DỰ KIẾN MỤC TIÊU NĂM 2025					Ghi chú
	Số lượng	Đvt	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2021-2025 (%)	
			Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/thôn, bản...)		
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình																							
a) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG																							
b) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN																							
c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT			5	Đợt																			

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày **Phụ lục III** tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

KẾT QUẢ PHÂN BỐ, BỐ TRÍ, THỰC HIỆN NGUỒN VỐN NĂM 2023 (GỒM CẢ KINH PHÍ NĂM 2022 CHUYỂN NGUỒN SANG THỰC HIỆN 2023)
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024-2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DTTS&MN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	VỐN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN								KẾT QUẢ GIẢI NGÂN								NHU CẦU KẾ HOẠCH 2024-2026														Ghi chú												
	Vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023				Năm 2023				NSTW								NSDP và VỐN KHÁC				NHU CẦU KẾ HOẠCH 2024				NHU CẦU KẾ HOẠCH 2025				NHU CẦU KẾ HOẠCH 2026														
	Tổng số		NSTU'		NSDP (NS tỉnh và NS huyện)		Tổng số giải ngân đến 30/6		Vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện 2023				Vốn năm 2023				Đến 30/6/2023		Ước thực hiện đến 31/12/2023		Tổng số		Đến 30/6/2023		Ước thực hiện đến 31/12/2023		NSDP		NSDP			Tổng số		NSTU'		NSDP		Tổng số		NSTU'		NSDP	
ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN				

TỔNG CỘNG	82.691,56	50.392	23.703	8.596	286.576	112.694	138.377	16.905	18.600	26.201	21.053	5.148	49.350	13.654	34.200	17.562	16.638	110.832	113.434	2.556	1.990	6.993	15.293	410.220	164.970	191.744	24.745	28.761	157.478	45.796	91.140	6.870	13.672	431.925	194.000	181.500	29.100	27.325		
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.063	2.079	1.572	412	10.713	4.562	5.442	-	709	80	80	-	1.037	1.572	1.562	1.562	-	2.700	5.442	148,5	0	0	709	14.561	4.823	7.839	723	1.176	3.871	1.406	1.960	211	294	19.550	9.000	8.800	1.350	1.200		
a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở	-				-				-					-										-					-											
b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	1.170	1.042			128	1.862	1.862							-									1.751	1.523		228		1.617	1.406		211									
c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán	1.572		1.572		6.151		5.442		709	-			1.572	-				5.442				709	9.015		7.839		1.176	2.254		1.960			294							
d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	1.321	1.037			284	2.700	2.700		80	80		1.037		1.562	1.562		2.700		148,5				3.795	3.300		495		-												
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, an định dân cư ở những nơi cần thiết	10.184	9.030		1.155	18.656	18.656				3.415	3.415		9.030	2.016	2.016		18.656		315				32.170	27.834	140	4.175	21	9.171	7.732	243	1.160	36	28.750	20.000	5.000	3.000	750			
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	6.187	-	6.187	-	74.073	-	65.416	-	8.657	1.175	-	1.175	-	5.456	14.597	-	14.597	-	65.416	0	1935,52	0	8657	99.031	-	86.114	-	12.917	74.128	-	64.459	-	9.669	115.000	-	100.000	-	15.000		
a) Tiêu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-				59.259		52.333		6.926	-				14.597		14.597		52.333		1935,52		6926	65.821		57.236		8.585	65.820		57.235		8.585	86.250		75.000		11.250			
b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được hiệu quả, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	6.187	-	6.187	-	14.814	-	13.083	-	1.731	1.175	-	1.175	-	5.456	-	-	-	-	13.083	0	0	0	1731	33.210		28.878		4.332	8.308		7.224		1.084	28.750		25.000		3.750		
- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	4.023		4.023		11.825		10.466		1.359	1.099		1.099		4.023	-			10.466				1359																		
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được hiệu quả	721		721		-				-					-																										
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	1.443		1.443		2.989		2.617		372	75		75		1.433	-			2.617				372																		
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	32.952	27.463	237	5.251	69.947	61.761	7.247	-	939	15.959	15.737	222	27.463	237	9.206	9.206	-	61.761	7.247	1919,604	0	5251,08	939	118.354	92.143	10.774	13.821	1.616	32.533	25.596	2.694	3.839	404	126.500	100.000	10.000	15.000	1.500		
a) Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	32.952	27.463	237	5.251	69.947	61.761	7.247	-	939	15.959	15.737	222	27.463	237	9.206	9.206	-	61.761	7.247	1919,6	0	5251,08	939	118.354	92.143	10.774	13.821	1.616	32.533	25.596	2.694	3.839	404	126.500	100.000	10.000	15.000	1.500		
- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN	32.952	27.463	237	5.251	68.940	60.754	7.247		939	15.959	15.737	222	27.463	237	8.199	8.199		60.754	7.247	1919.604	5251,08	939																		
- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	-				1.007	1.007			-					1.007	1.007			1.007																						
5. Dự án 5: Phát triển giao dịch trao đổi năng có chất lượng nguồn nhân lực	7.597	3.135	3.957	505	34.906	15.282	17.112	-	2.512	3.001	1.820	1.180	3.135	3.081	5.722	4.778	944	15.282	14.922	172.978	0	468,278	2183	54.199	22.800	24.330	3.420	3.649	14.277	6.332	6.082	950	913	72.550	35.000	28.000	5.250	4.300		
a) Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	3.719	3.135	79	505	19.217	15.282	3.422	-	513	1.899	1.820	79	3.135	-	4.778	4.778	-	15.282	3.422	172.978	0	468,278	513	31.582	22.800	4.663	3.420	699	8.623	6.332	1.166	950	175	46.100	35.000	5.000	5.250	850		
- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT	3.603	3.135		468	10.697	10.697				1.820	1.820		3.135		2.928	2.928		10.697					136,161		431,461															
- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường PTDTNT	37			37	4.585	4.585			-						1.850	1.850		4.585				36,817		36,817																
- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	79		79		3.935		3.422		513	79		79			-				3.422				513																	

Nội dung	VỐN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN										KẾT QUẢ GIẢI NGÂN										NHU CẦU KẾ HOẠCH 2024-2026														Ghi chú					
	Vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023					Năm 2023					NSTW							NSDP và VỐN KHÁC				NHU CẦU KẾ HOẠCH 2024					NHU CẦU KẾ HOẠCH 2025					NHU CẦU KẾ HOẠCH 2026								
	Tổng số	NSTU		NSDP (NS tỉnh và NS huyện)	Tổng số	NSTU				Tổng số giải ngân đến 30/6	Vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện 2023				Vốn năm 2023				Đến 30/6/2023		Ước thực hiện đến 31/12/2023		Tổng số	NSTU		NSDP		Tổng số	NSTU		NSDP		Tổng số	NSTU		NSDP				
		ĐTPT	SN			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN		ĐTPT		SN	ĐTPT	SN	ĐTPT	SN
b) Tiến dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	996	-	996	-	3.141	-	2.738	-	403	-	-	-	-	199	771	-	771	-	548	0	0	0	74	4.587	-	3.989	-	598	1.147	-	997	-	150	3.450	-	3.000	-	450		
- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	797		797		2.519		2.190		329	-					771		771																							
- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học	199		199		622		548		74	-				199	-				548				74																	
c) Tiến dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	1.347		1.347		7.825		6.845		980	671		671		1.347	173		173		6.845				980	10.964		9.534		1.430	2.739		2.382		357	17.250		15.000		2.250		
d) Tiến Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	1.535		1.535		4.723		4.107		616	431		431		1.535	-			4.107				616	7.066		6.144		922		1.768		1.537		231	5.750		5.000		750		
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	9.651	6.833	1.795	1.023	14.615	9.160	4.796		659	1.286		1.286	6.833	1.795	450		450	9.160	4.796			1023	659	24.074	13.666	7.268	2.050	1.090	6.469	3.700	1.925	555	289	34.500	20.000	10.000	3.000	1.500		
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	225		225		2.952		2.590		362	220		220		225	-			2.590				362	4.470		3.887		583	1.057		919		138	5.750		5.000		750			
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em	407		407		7.536		6.635		901	326		326		407	112		112		6.635				901	11.345		9.865		1.480	2.836		2.466		370	5.750		5.000		750		
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	8.767	-	8.767	-	28.482	-	25.175	-	3.307	313	-	313	-	318	215	-	215	-	2.422	0	37,43	0	329	42.572	-	37.019	-	5.553	10.655	-	9.265	-	1.390	3.450	-	3.000	-	450		
a) Tiến Dự án 1: Dẫn tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	8.449		8.449		25.731		22.753		2.978	-		-											38.903		33.829		5.074	9.735		8.465		1.270	-							
b) Tiến Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	318		318		2.751		2.422		329	313		313		318	215		215		2.422		37,43		329	3.669		3.190		479	920		800		120	3.450		3.000		450		
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.658	1.852	555	251	7.791	3.273	3.964	-	554	427	-	427	1.852	561	320	-	320	3.273	3.964	0	17,06	251	554	9.444	3.704	4.508	556	676	2.481	1.030	1.127	155	169	20.125	10.000	7.500	1.500	1.125		
a) Tiến dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	140		140		2.337		2.052		285	129		129		140	320		320		2.052		17,06		285	2.623		2.281		342	656		570		86	3.450		3.000		450		
b) Tiến dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	2.342	1.852	239	251	4.276	3.273	880		123	115		115	1.852	239	-			3.273	880			251	123	5.440	3.704	1.026	556	154	1.479	1.030	256	155	38	14.375	10.000	2.500	1.500	375		
c) Tiến dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	176		176		1.178		1.032		146	182		182		176	-			1.032				146	1.381		1.201		180	346		301		45	2.300		2.000		300			
11. Kinh phí NS tính đối ứng năm 2023 chưa phân bổ chi tiết	-				16.905		16.905		-					-										-				-					-							